

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3635/2026/QĐST-HNGĐ

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 3635/2026/TLST-VHNGĐ ngày 04/8/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Ngô Hữu T**, sinh năm 1995, CCCD 066195016652

Thường trú: **P, xã E, tỉnh Đắk Lắk**.

Tạm trú: 63/14 **Lê Văn S, khu phố A, phường P, TP Hồ Chí Minh**.

Và Ông **Lê Nhật H**, sinh năm 1992, CCCD 068092004428

Thường trú: 16 **T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**

Tạm trú: 63/14 **Lê Văn S, khu phố A, phường P, TP Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ngô Hữu T** và ông **Lê Nhật H** đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 345/2023 ngày 01/12/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp. Nay bà **Ngô Hữu T** và ông **Lê Nhật H** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **Ngô Hữu T** và ông **Lê Nhật H** tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/8/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Ngô Hữu T** và ông **Lê Nhật H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **Ngô Hữu T** và ông **Lê Nhật H** tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà **T** và ông **H** chịu mỗi người là 150.000 đồng, được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003515 ngày 16/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV5 TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Phòng THA DS KV5 TPHCM;
- UBND X Đức Trọng, Lâm Đồng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Đăng Hà